

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HS-ST
Ngày: 20 - 02 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lưu Huỳnh Quang Thắng;
- Bà Trương Thị Bích Tuyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Ngọc C, sinh năm 1990; nơi sinh: An Giang; nghề nghiệp: Không; nơi cư trú: Tổ 10, khóm K, phường D, thành phố E, tỉnh An Giang; trình độ học vấn 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc A (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết), có vợ tên Trần Thị Kim D, sinh năm 1989 và có 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2016; anh chị em ruột có 08 người, bị cáo là người thứ bảy; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2019 cho đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Thanh TS (TS), sinh năm 1978, nơi cư trú: Tổ 14, khóm V, phường D, thành phố E, tỉnh An Giang.
- Bà Võ Thanh TH, sinh năm 1976, nơi cư trú: Tổ 28, khóm 8, phường D, thành phố E, tỉnh An Giang.
- Bà Võ Thị Thanh TL, sinh năm 1972, nơi cư trú: Số 26, đường F, khóm K, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người chứng kiến: Bà Trịnh Thị TTN, sinh năm 1999.

Người làm chứng:

- Ông Trần Quốc TĐ, sinh năm 1989.
- Ông TT, sinh năm 1986.
- Ông Trần Văn VS (VS) , sinh năm 1982.
- Bà Võ Thanh VT, sinh năm 1995.

(Bị cáo Trần Ngọc C, có mặt tại phiên tòa. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Thanh TS (TS), Võ Thanh TH, Võ Thị Thanh TL; người chứng kiến: Trịnh Thị TTN; người làm chứng: Trần Quốc TĐ, TT, Trần Văn VS (VS), Võ Thanh VT, vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 17/10/2019, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, lực lượng phối hợp Công an thành phố E và Công an phường D, thành phố E kiểm tra phòng số 2, nhà trọ “Thanh Vân 1” (tổ 05, khóm Châu Long 8, phường D, thành phố E, tỉnh An Giang) do Trần Ngọc C thuê, phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ trong túi quần của C 02 túi nhựa trong suốt, hàn kín, chứa chất bột trắng; 05 túi nhựa trong suốt hàn kín, chứa tinh thể trắng; 08 đoạn ống hút nhựa màu vàng, sọc trắng và màu đỏ, sọc trắng, hàn kín; thu giữ trong ví da của C 01 túi nhựa trong suốt, hàn kín một đầu, có rãnh khóa màu xanh. C khai Heroin và ma túy đá do Nguyễn Thanh TS (TS) giao C bán cho những người nghiện và sử dụng.

Vật chứng thu giữ: 02 túi nhựa trong suốt, hàn kín, chứa chất bột trắng; 05 túi nhựa trong suốt, hàn kín, chứa tinh thể trắng; 08 đoạn ống hút nhựa màu vàng, sọc trắng và màu đỏ, sọc trắng, hàn kín; 01 túi nhựa trong suốt, hàn kín một đầu, có rãnh khóa màu xanh; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 67B2 – 298.51, kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Võ Thị Thanh TL; 01 ví da màu đen.

Kết luận giám định số: 187/KLGT-PC09 (MT) ngày 21/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang xác định: Các Mẫu M₁, M₂ gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng 0,9388 gam; các Mẫu M₃, M₄, M₅ gửi giám định là ma túy, loại Heroin, tổng khối lượng 1,1215 gam; tổng khối lượng ma túy 2,0603 gam.

Ngày 23/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố E ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can, Lệnh tạm giam đối với Trần Ngọc C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Cáo trạng số: 09/CT-VKSCĐ ngày 31/01/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố E truy tố Trần Ngọc C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi chung Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận, bị cáo là người nghiện ma túy, để có ma túy sử dụng và tiền tiêu xài nên khoảng cuối tháng 9/2019 bị cáo bắt đầu giúp Nguyễn Thanh TS (TS) bán ma túy; khi có người hỏi mua ma túy, TS đưa ma túy cho C đi giao, C nhận và mang tiền về đưa cho TS; mỗi ngày bán từ 10 đến 12 tép ma túy đá và Heroin, số tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.200.000 đồng; C được TS bao ăn, cho ma túy sử dụng; TS cho điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, giao xe mô tô biển số 67B2 – 298.51 cho C mượn để liên lạc mua bán ma túy và sử dụng làm phương tiện đi lại; C trực tiếp bán cho Trần Quốc TĐ 03 lần, mỗi lần 01 tép Heroin, giá 300.000 đồng; TT 03 lần, mỗi lần 01 tép Heroin, giá 150.000 đồng; Trần Văn VS (VS) 03 lần, mỗi lần 01 tép Heroin, giá 100.000 đồng; Võ Thanh VT 06 lần, mỗi lần 250.000 đồng (01 tép Heroin, giá 200.000 đồng và 01 tép ma túy đá, giá 50.000 đồng); cùng nhiều người nghiện khác không biết tên, địa chỉ; đến ngày 17/10/2019, cất giấu ma túy để tiếp tục bán, bị bắt quả tang.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo hối hận về hành vi đã thực hiện, xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người làm chứng - những người trực tiếp mua ma túy của bị cáo cũng như vật chứng được thu giữ cùng các tài liệu, nguồn chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó, có cơ sở xác định, bị cáo đã nhiều lần có hành vi bán ma túy cho nhiều đối tượng nghiện gồm: TĐ, TT, VS (VS) và VT. Do đó, cáo trạng truy tố đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước; gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình lượng hình, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét đối với bị cáo về sự thành khẩn khai báo, quá trình điều tra đã tự thú khai nhận đối với những lần bán ma túy trước đó; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo khoảng 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung, xử phạt bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp, đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và 01 ví da màu đen.

- Đối với 01 điện thoại di động OPPO, màu xanh đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 67B2 – 298.51 kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Võ Thị Thanh TL. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai điện thoại và xe là của Nguyễn Thanh TS (TS) đã giao cho bị cáo khi bị cáo tham gia bán ma túy cho TS để sử dụng làm phương tiện liên lạc và giao ma túy, tuy nhiên TS không thừa nhận việc bị cáo sử dụng làm phương tiện bán ma túy như lời khai của bị cáo, TS cho bị cáo mượn để làm phương tiện sinh hoạt trong gia đình. Ngoài lời khai của bị cáo không có chứng cứ chứng minh nên đề nghị trao trả cho Nguyễn Thanh TS (TS): 01 điện thoại di động hiệu OPPO; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Võ Thị Thanh TL.

Đối với Trần Quốc TĐ, TT, Trần Văn VS, Võ Thanh VT có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan chức năng đã xử lý theo luật định nên không đề cập xem xét trong vụ án. Đối với Nguyễn Thanh TS không thừa nhận mua bán ma túy, ngoài lời khai của bị cáo Trần Ngọc C không có chứng cứ, căn cứ nào khác quy kết trách nhiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố E; Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố E; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và người làm chứng vắng mặt; bị cáo không có ý kiến về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, người làm chứng. Xét, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt tại phiên tòa, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về nội dung,

[4] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của những người làm chứng (người nghiện ma túy – trực tiếp mua ma túy từ bị cáo để sử dụng): Trần

Quốc TĐ, TT, Trần Văn VS (VS), Võ Thanh VT được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp nhau về khoảng thời gian, địa điểm cũng như cách thức mua bán, loại ma túy và giá tiền mà bị cáo đã bán ma túy.

Ngoài ra, hành vi mà bị cáo đã thực hiện còn phù hợp với các nguồn chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa như: Kết luận giám định, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ liên quan khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định, trong khoảng thời gian từ cuối tháng 9/2019 đến ngày 17/10/2019, bị cáo C đã nhiều lần có hành vi bán ma túy loại Heroin và ma túy loại Methamphetamine cho nhiều người nghiện ma túy, trong đó có: Trần Quốc TĐ, TT, Trần Văn VS (VS), Võ Thanh VT. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mua bán ma túy là vi phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Vì vậy, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung cấu thành tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Đối với 02 người trở lên*” được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự như nội dung cáo trạng truy tố.

Ma túy là chất gây nghiện, là mầm mống làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác nên Nhà nước độc quyền quản lý, đồng thời nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây tác động xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Xét, cần có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, tạo điều kiện để bị cáo nhận thức sâu sắc hơn về hành vi đã thực hiện, phát huy tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội như quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[5] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tự thú về các hành vi phạm tội đã thực hiện trước đó. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; thuộc thành phần nhân dân lao động, học vấn thấp có sự hạn chế trong hiểu biết pháp luật. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có thu lợi từ hành vi bán ma túy nên phạt bị cáo số tiền 10.000.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[7] Xử lý vật chứng:

- Đối với lượng ma túy đã thu giữ, còn lại sau giám định (vật cấm lưu hành), xét tịch thu tiêu hủy.

- 01 ví da màu đen không còn giá trị sử dụng, xét tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO: Bị cáo khai của TS (TS) cho bị cáo sử dụng để liên lạc. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của TS (TS) về việc có cho bị cáo 01 điện thoại di động để sử dụng liên lạc, sinh hoạt. Bị cáo xác định những người nghiện ma túy điện thoại cho bị cáo để liên lạc mua ma túy và hẹn địa điểm giao nhận. Điện thoại di động hiệu OPPO được bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc mua bán ma túy, xét tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, biển số 67B2 – 298.51 kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Võ Thị Thanh TL: Bà TL có lời khai xác định bà là chủ sở hữu xe mô tô, biển số 67B2 – 298.51, hiện đã bán cho người khác không rõ địa chỉ, không làm thủ tục sang tên. Nguyễn Thanh TS (TS) có lời khai đã mua lại xe mô tô trên và cho bị cáo mượn sử dụng làm phương tiện đi lại, sinh hoạt. Bị cáo có lời khai xác định xe mô tô TS đưa cho bị cáo để sử dụng cho việc mua bán ma túy cho TS. Lời khai của TS và bị cáo là mâu thuẫn nhau, ngoài lời khai của bị cáo thì không có căn cứ, chứng cứ chứng minh nào khác, xét trao trả lại cho Nguyễn Thanh TS (TS) 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, biển số 67B2 – 298.51 kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Võ Thị Thanh TL.

[8] Những vấn đề khác:

Đối với Trần Quốc TĐ, TT, Trần Văn VS, Võ Thanh VT có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển xử lý hành chính nên không đề cập trong vụ án.

Đối với Nguyễn Thanh TS không thừa nhận hành vi mua bán ma túy, không chứng cứ, căn cứ khác để quy kết trách nhiệm, cơ quan điều tra không khởi tố, xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[9] Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo: Trần Ngọc C phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc C: 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 17/10/2019 (mười bảy tháng mười năm hai nghìn không trăm mười chín).

Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Trần Ngọc C nộp phạt số tiền 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng.

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong vụ số: 187/KLGT-PC09 (MT) ngày 21/10/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh An Giang. Bên ngoài có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố E, tỉnh An Giang các chữ ký ghi tên Ôn Văn Thuận, Nguyễn Thị Mỹ Hà, Nguyễn Đăng Khoa và 01 (một) cái bóp da màu đen có một ngăn kéo.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, đen kiểu máy CPH 1825 dùng sim điện thoại số 8401; 1803 923 42750 và 01 (một) sim Vianphone không số, số Imei 1; 86016 304 475 87 17; số Imei 2; 86016 304 475 87 09 điện thoại đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng.

- Trao trả cho Nguyễn Thanh TS (TS): 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại VISION, biển kiểm soát: 67B2 – 29851, màu sơn: màu đỏ, nâu đen; số khung: 5830JY465041, số máy: JF86E0057352 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mang biển kiểm soát 67B2 – 29851, chủ sở hữu tên Võ Thị Thanh TL, địa chỉ số 26, khóm K, phường M, Long Xuyên, An Giang cấp ngày 11/12/2018 tại Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh An Giang.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/11/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố E với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố E).

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Ngọc C phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của Nguyễn Thanh TS (TS), Võ Thanh TH, Võ Thị Thanh TL là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Chân